

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC
LONG AN

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN
DN: 0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:1100101500, cn=CÔNG TY CỔ
PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN, st=Tây Ninh, c=VN
Date: 2026.08.14 14:43:31 +07'00'



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2 - 3
3. Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	4
4. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
5. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	7 - 10
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	11
7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	12 - 13
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	14 - 41
9. Phụ lục	42



THÔNG TIN CHUNG

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An theo Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1100101500, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 7 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 05 tháng 9 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An (nay là Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh) cấp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Kiểm tra các chỉ tiêu hóa lý, vi sinh của nước;
- Tư vấn, thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống đường ống cung cấp nước, thoát nước;
- Kinh doanh nước uống đóng chai;
- Khai thác và cung cấp nước sạch (trên địa bàn thành phố Tân An và một số khu công nghiệp trong tỉnh); sản xuất nước uống đóng chai;
- Kinh doanh các loại vật tư - thiết bị cấp nước;
- Kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh đo, thử nghiệm phương tiện đo, (đồng hồ nước lạnh);
- Quản lý và lắp đặt hệ thống đường ống cấp thoát nước; thi công hệ thống cấp thoát nước;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Dịch vụ khoan giếng;
- Thu gom rác thải không độc hại (thu gom bùn thải từ quá trình xử lý nước cấp).

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
- Điện thoại : 072.3825114
- Fax : 072.3826040

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp cấp nước Tân An	250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Xí nghiệp cấp nước Bình Ảnh	Ấp 7, xã Thủ Thừa, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Xí nghiệp cấp nước Gò Đen	311 Quốc lộ 1A, khu phố 10, xã Bến Lức, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Bà Trương Ngọc Thùy Trang	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Mai Song Hào	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
		Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2026
Ông Trần Tấn Lợi	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Lưu Văn Căn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Cao Duy Thanh	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
		Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2026
Ông Hồ Hiền Phúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2026

Ban điều hành

Các thành viên Ban điều hành trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Trương Ngọc Thùy Trang	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Lưu Văn Cần	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Quốc Phong	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Bảo Tùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là công ty kiểm toán của Công ty.



BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công bố của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Bảo Tùng
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 12 tháng 8 năm 2026



Số: 4.0274/26/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2026, từ trang 7 đến trang 42, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ vào ngày 14 tháng 8 năm 2025 với kết luận chấp nhận toàn phần và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 vào ngày 29 tháng 01 năm 2026 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Tây Nam Bộ

Nguyễn Hữu Danh
Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán số: 1242-2023-008-1
Người được ủy quyền

TP. Cần Thơ, ngày 12 tháng 8 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		62.843.311.839	64.625.217.430
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		16.713.180.623	19.946.984.886
1. Tiền	111	V.1	16.713.180.623	19.946.984.886
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		-	-
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.869.444.909	19.330.434.906
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	21.856.958.829	14.999.395.254
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2.331.229.258	2.658.607.907
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.4	3.739.723.645	1.730.898.568
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.5	(58.466.823)	(58.466.823)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	14.350.226.259	19.543.411.392
1. Hàng tồn kho	141		19.822.960.359	25.162.757.194
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(5.472.734.100)	(5.619.345.802)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		3.910.460.048	5.804.386.246
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		3.904.848.937	5.804.386.246
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.14	5.611.111	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		351.218.958.350	346.764.803.198
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215		-	-
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		301.233.237.353	316.072.596.456
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	298.936.300.832	313.793.905.391
- Nguyên giá	222		749.910.758.734	746.190.859.253
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(450.974.457.902)	(432.396.953.862)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	2.296.936.521	2.278.691.065
- Nguyên giá	228		2.994.286.455	2.896.286.455
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(697.349.934)	(617.595.390)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		20.942.388.481	16.608.773.395
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.9	20.942.388.481	16.608.773.395
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		-	-
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		29.043.332.516	14.083.433.347
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.10	29.043.332.516	14.083.433.347
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		414.062.270.189	411.390.020.628



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		171.057.437.031	187.990.925.038
I. Nợ ngắn hạn	310		106.862.671.193	114.065.076.220
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	76.773.943.276	81.814.199.511
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	2.308.633.792	1.716.280.100
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.13	2.463.077.404	1.482.677.446
5. Phải trả người lao động	315	V.14	5.333.332.832	7.663.066.107
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.15a,c	4.456.418.589	2.576.362.551
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.16a,c	15.427.000.000	14.175.000.000
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.17	100.265.300	4.637.490.505
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		64.194.765.838	73.925.848.818
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338	V.15b,c	9.604.262.000	11.256.344.980
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.16b,c	54.590.503.838	62.669.503.838
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		243.004.833.158	223.399.095.590
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	122.000.000.000	122.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		122.000.000.000	122.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18	101.399.095.590	85.041.553.109
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.18	19.605.737.568	16.357.542.481
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		-	16.357.542.481
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		19.605.737.568	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		414.062.270.189	411.390.020.628

[Signature]

Trịnh Huỳnh Thủy Tiên
Người lập

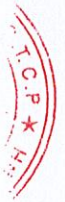
[Signature]

Nguyễn Quốc Phong
Kế toán trưởng



Phê duyệt, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Bảo Tùng
Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	206.359.348.065	181.688.683.864
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		206.359.348.065	181.688.683.864
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	141.201.985.969	125.813.827.739
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		65.157.362.096	55.874.856.125
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	19.903.534	25.917.957
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	2.034.947.053	2.382.994.189
Trong đó: chi phí đi vay	24		2.034.947.053	2.382.994.189
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	27.432.317.786	18.382.490.910
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	14.110.236.425	10.402.156.933
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.599.764.366	24.733.132.050
12. Thu nhập khác	31	VI.7	1.016.034.630	441.204.101
13. Chi phí khác	32	VI.8	752.270.584	436.747.514
14. Lợi nhuận khác	40		263.764.046	4.456.587
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.863.528.412	24.737.588.637
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	2.257.790.844	2.557.586.878
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		19.605.737.568	22.180.001.759
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.607	1.818
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	1.607	1.818

Trinh Huỳnh Thủy Tiên
Người lậpNguyễn Quốc Phong
Kế toán trưởng

Phê duyệt, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Bảo Tùng
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21.863.528.412	24.737.588.637
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7, V.8	18.657.258.584	17.075.548.970
- Các khoản dự phòng	03	V.6	(146.611.702)	3.461.600.475
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	VI.3	-	(25.917.957)
- Chi phí đi vay	06	VI.4	2.034.947.053	2.382.994.189
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		42.409.122.347	47.631.814.314
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.915.732.325)	(2.297.599.428)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.6	5.339.796.835	(2.566.958.600)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		12.262.545.307	10.463.228.111
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12	V.10	(14.959.899.169)	(752.572.358)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14	VI.4	(2.034.947.053)	(2.382.994.189)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(840.870.583)	(1.513.563.184)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(4.556.455.334)	(2.808.146.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		30.703.560.025	45.773.208.666
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.3, V.7, V.8, V.9, V.11	(27.110.364.288)	(19.972.411.214)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	111.181.090
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	25.917.957
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(27.110.364.288)	(19.835.312.167)



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16a	(6.827.000.000)	(9.447.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.827.000.000)	(9.447.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.233.804.263)	16.490.896.499
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	19.946.984.886	5.409.452.221
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	16.713.180.623	21.900.348.720

Trịnh Huỳnh Thủy Tiên
Người lậpNguyễn Quốc Phong
Kế toán trưởng

Phê duyệt, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Bảo Tùng
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Kiểm tra các chỉ tiêu hóa lý, vi sinh của nước;
- Tư vấn, thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống đường ống cung cấp nước, thoát nước;
- Kinh doanh nước uống đóng chai;
- Khai thác và cung cấp nước sạch (trên địa bàn thành phố Tân An và một số khu công nghiệp trong tỉnh); sản xuất nước uống đóng chai;
- Kinh doanh các loại vật tư - thiết bị cấp nước;
- Kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh đo, thử nghiệm phương tiện đo, (đồng hồ nước lạnh);
- Quản lý và lắp đặt hệ thống đường ống cấp thoát nước; thi công hệ thống cấp thoát nước;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Dịch vụ khoan giếng;
- Thu gom rác thải không độc hại (thu gom bùn thải từ quá trình xử lý nước cấp).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp cấp nước Tân An	250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Xí nghiệp cấp nước Bình Ảnh	Ấp 7, xã Thủ Thừa, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Xí nghiệp cấp nước Gò Đen	311 Quốc lộ 1A, khu phố 10, xã Bến Lức, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

6. Số lượng người lao động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 163 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 161 nhân viên).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính (“Thông tư 99”) thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”). Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

chính đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu năm" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Công ty.

8. Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM (Hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết) thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán "LAW" theo Quyết định số 787 ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 21 tháng 12 năm 2015.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99") và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi không kỳ hạn.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng hoặc từng dịch vụ cung cấp dở dang có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm dự phòng tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Công ty thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp. Thời gian và phương pháp phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ của Công ty như sau:

Chi phí cải tạo, sửa chữa tài sản cố định

Chi phí cải tạo, sửa chữa tài sản cố định được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác. Quyền sử dụng đất ổn định lâu dài không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa chương trình phần mềm máy tính vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3-10 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình khác là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vô hình khác vào sử dụng. Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt, bao gồm cả chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay ("VAS 16"). Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao cho đến khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Khi hoàn thành, toàn bộ chi phí được kết chuyển sang khoản mục phù hợp tùy theo mục đích sử dụng thực tế, bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho và được tính khấu hao/hao mòn từ thời điểm đưa vào sử dụng.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí nâng cấp, cải tạo tài sản cố định đang thực hiện được tập hợp riêng và khi hoàn thành được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng.

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh thường xuyên hàng kỳ để tài sản hoạt động bình thường được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Đối với các tài sản cố định theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí phát sinh được tập hợp riêng. Khi hoàn thành, chi phí được kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép; và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ, chi phí lãi vay phải trả).
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

10. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ của doanh nghiệp.

11. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng bằng việc chuyển giao quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm cho khách hàng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Doanh thu hợp đồng xây dựng bao gồm giá trị ban đầu được thỏa thuận trong hợp đồng và các khoản điều chỉnh phát sinh trong quá trình thực hiện được hai bên thống nhất, bao gồm các khoản thay đổi phạm vi công việc, yêu cầu bổ sung, tiền thưởng hoàn thành sớm tiến độ hoặc các khoản bồi thường bù đắp chi phí phát sinh ngoài giá hợp đồng - với điều kiện các khoản này có thể xác định một cách đáng tin cậy và có khả năng được phê duyệt.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Khi dự báo tổng chi phí hợp đồng vượt quá tổng doanh thu hợp đồng, khoản lỗ dự kiến được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ phát hiện.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Khi dự báo tổng chi phí hợp đồng vượt quá tổng doanh thu hợp đồng, toàn bộ khoản lỗ dự kiến của hợp đồng được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ phát hiện, không phụ thuộc vào giai đoạn hoàn thành của hợp đồng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, là tài sản cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán, được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hóa chi phí đi vay bắt đầu khi đồng thời thỏa mãn cả ba điều kiện:

- Chi phí cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đã phát sinh;
- Chi phí đi vay đã phát sinh; và
- Các hoạt động cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đang được tiến hành.

Việc vốn hóa tạm ngừng trong các giai đoạn quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bị gián đoạn một cách bất thường. Việc vốn hóa chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

Đối với khoản vay riêng biệt phục vụ việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa là chi phí đi vay thực tế phát sinh trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của khoản vay này.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa áp dụng cho chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp theo tờ khai thuế. Cuối năm tài chính, Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ trường hợp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của tài sản hay nợ phải trả trong một giao dịch không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hay thu nhập chịu thuế tại thời điểm phát sinh.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng các chênh lệch tạm thời đó, đồng thời được ghi nhận cho các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng khi có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu thì không được phản ánh vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào cuối mỗi kỳ kế toán và được giảm xuống trong phạm vi không còn chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế để thu hồi toàn bộ hoặc một phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên thuế suất và quy định thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi lập Báo cáo tình hình tài chính, tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ với nhau khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

- Công ty mẹ.
- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, các thành viên quản lý khác và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Công ty, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng:

- Doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận.
- Kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn).
- Tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	603.229.465	363.199.846
Tiền gửi không kỳ hạn	16.109.951.158	19.583.785.040
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	2.108.206.020	9.025.616.691
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	12.248.654.117	9.184.867.735
- Các ngân hàng, tổ chức khác	1.753.091.021	1.373.300.614
Cộng	16.713.180.623	19.946.984.886



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu bên liên quan	1.382.955.660	-	177.802.020	-
Công ty Cổ phần nước Biwase - Long An	1.382.955.660	-	177.802.020	-
Phải thu các khách hàng khác	20.474.003.169 (58.466.823)	-	14.821.593.234 (58.466.823)	-
Phải thu khách hàng cung cấp nước	19.618.535.908 (58.466.823)	-	12.264.205.585 (58.466.823)	-
Các khách hàng khác	855.467.261	-	2.557.387.649	-
Cộng	21.856.958.829 (58.466.823)	-	14.999.395.254 (58.466.823)	-

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Bất động sản Xuân Thảo	238.857.000	238.857.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Môi trường Nam Bộ	-	993.639.583
Các nhà cung cấp khác	2.092.372.258	1.426.111.324
Cộng	2.331.229.258	2.658.607.907

Trong đó, khoản ứng trước để mua sắm, xây dựng tài sản cố định là 2.080.158.234 VND (số đầu năm là 2.370.036.883 VND).

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ông Nguyễn Hoàng Nam - tiền tạm ứng để thực hiện công trình	600.000.000	-	-	-
Ông Phạm Ngọc Kha - tiền tạm ứng để thực hiện công trình	1.000.000.000	-	-	-
Phải thu của người lao động - tiền tạm ứng công tác	528.482.500	-	847.620.000	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	358.427.944	-	-	-
Phải thu phí bảo vệ môi trường	623.240.199	-	284.353.463	-
Phải thu thuế thu nhập các nhân của người lao động	610.342.873	-	597.643.158	-
Quỹ khen thưởng chi vượt chờ nguồn bù đắp (xem thuyết minh số V.18)	19.230.129	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	-	-	-
Cộng	3.739.723.645	-	1.281.947	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Nợ quá hạn

Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu tiền nước – khách hàng khác					
Cộng	Trên 3 năm	58.466.823	Trên 3 năm	58.466.823	-
		58.466.823		58.466.823	-

Không có biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	19.631.869.584	(5.472.734.100)	24.359.837.324	(5.619.345.802)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	191.090.775	-	802.919.870	-
Cộng	19.822.960.359	(5.472.734.100)	25.162.757.194	(5.619.345.802)

Giá trị thành phẩm tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 7.514.984.485 VND (số đầu năm là 7.661.596.187 VND).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.619.345.802	3.041.586.385
Trích lập dự phòng bổ sung	-	3.701.675.810
Hoàn nhập dự phòng	(146.611.702)	(240.075.335)
Số cuối kỳ	5.472.734.100	6.503.186.860

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá	218.224.913.978	36.901.734.876	487.012.868.727	4.051.341.672	746.190.859.253
Số đầu năm	-	-	3.462.443.925	257.455.556	3.719.899.481
Mua trong kỳ	218.224.913.978	36.901.734.876	490.475.312.652	4.308.797.228	749.910.758.734
Số cuối kỳ					
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	47.392.102.157	32.789.367.054	57.556.044.407	3.004.920.672	140.742.434.290
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	191.696.561.425	34.664.295.548	202.218.850.789	3.817.246.100	432.396.953.862
Khấu hao trong kỳ	4.764.015.828	240.871.778	13.396.780.536	175.835.898	18.577.504.040
Số cuối kỳ	196.460.577.253	34.905.167.326	215.615.631.325	3.993.081.998	450.974.457.902

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	26.528.352.553	2.237.439.328	284.794.017.938	234.095.572	313.793.905.391
Số cuối kỳ	21.764.336.725	1.996.567.550	274.859.681.327	315.715.230	298.936.300.832
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 132.106.248.850 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh Tây Ninh (xem thuyết minh V.16b).

Danh mục tài sản cố định hữu hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà máy nước ngầm Tân An công suất 15.000 m3/ngày	139.293.972.734	129.545.011.888	9.748.960.846
Các tài sản cố định hữu hình khác	610.616.786.000	321.429.446.014	289.187.339.986
Cộng	749.910.758.734	450.974.457.902	298.936.300.832

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.477.835.000	1.379.651.455	38.800.000	2.896.286.455
Mua trong kỳ	-	98.000.000	-	98.000.000
Số cuối kỳ	1.477.835.000	1.477.651.455	38.800.000	2.994.286.455
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	525.106.000	38.800.000	563.906.000
Chờ thanh lý	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	578.795.390	38.800.000	617.595.390
Khấu hao trong kỳ	-	79.754.544	-	79.754.544
Số cuối kỳ	-	658.549.934	38.800.000	697.349.934
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.477.835.000	800.856.065	-	2.278.691.065
Số cuối kỳ	1.477.835.000	819.101.521	-	2.296.936.521
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Danh mục tài sản cố định vô hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất nhà máy nước Tân An	1.477.835.000	-	1.477.835.000
Phần mềm hợp đồng điện tử	310.000.000	46.499.994	263.500.006
Thiết bị tường lửa	544.545.455	77.143.940	467.401.515
Các tài sản cố định vô hình khác	661.906.000	573.706.000	88.200.000
Cộng	2.994.286.455	697.349.934	2.296.936.521

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển chi phí chờ phân bổ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	16.608.773.395	4.180.574.525	-	(1.634.512.536)	19.154.835.384
Công trình tuyến ống cấp nước truyền tải HDPE D315 đường kính 826 (Đoạn từ khu công nghiệp cầu tràm đến đường cao tốc Bến Lức - Long Thành)	3.730.561.502	-	-	-	3.730.561.502
Công trình hệ thống xử lý thu hồi nước rửa lọc nhà máy cấp nước Tân An	9.829.426.411	-	-	-	9.829.426.411
Công trình tuyến ống cấp nước đường Nguyễn Văn Quá (Đoạn từ cụm công nghiệp Tú Phương đến cầu vượt số 8)	-	2.406.423.005	-	-	2.406.423.005
Các công trình khác	3.048.785.482	1.774.151.520	-	(1.634.512.536)	3.188.424.466
Sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ TSCĐ	-	22.624.299.378	(18.574.743.416)	(2.262.002.865)	1.787.553.097
Sửa chữa tài sản cố định	-	22.624.299.378	(18.574.743.416)	(2.262.002.865)	1.787.553.097
Cộng	16.608.773.395	26.804.873.903	(18.574.743.416)	(3.896.515.401)	20.942.388.481

10. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí cải tạo, sửa chữa tài sản cố định	29.043.332.516	14.083.433.347
Cộng	29.043.332.516	14.083.433.347

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	49.774.041.271	36.127.816.344
Công ty Cổ phần Nước Biwase - Long An	49.774.041.271	36.127.816.344
Phải trả các nhà cung cấp khác	26.999.902.005	45.686.383.167
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	124.113.600	16.974.127.800
Công ty Cổ phần DNP Holding	3.539.436.088	1.640.712.777
Công ty TNHH Sài Gòn Valve	3.217.544.000	1.576.800.000
Các nhà cung cấp khác	20.118.808.317	25.494.742.590
Cộng	76.773.943.276	81.814.199.511

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trong đó, khoản phải trả người bán về mua sắm, xây dựng tài sản cố định là 13.695.282.089 VND (số đầu năm là 32.944.010.459 VND).

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Xây dựng Phát triển Nguyên Hồng	755.000.000	755.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Xuân Thảo	-	727.607.100
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển DB	313.246.623	-
Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp và Đô thị Thủ Thừa	356.951.600	-
Các khách hàng khác	883.435.569	233.673.000
Cộng	2.308.633.792	1.716.280.100

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	266.667	(5.877.778)	-	5.611.111
Thuế thu nhập doanh nghiệp	828.574.202	-	2.257.790.844	(840.870.583)	2.245.494.463	-
Thuế thu nhập cá nhân	515.886.624	-	1.098.157.902	(1.593.322.115)	20.722.411	-
Thuế tài nguyên	138.216.620	-	1.234.288.345	(1.175.644.435)	196.860.530	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	356.771.280	(356.771.280)	-	-
Cộng	1.482.677.446	-	4.947.275.038	(3.972.486.191)	2.463.077.404	5.611.111

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Nước sinh hoạt : 5%
- Xây dựng, lắp đặt và các dịch vụ khác : 10%

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% đối với thu nhập từ sản xuất và cung ứng nước sạch (thu nhập từ hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa).



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.863.528.412	24.737.588.637
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
• Các khoản điều chỉnh tăng	2.001.874	-
• Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế/Thu nhập tính thuế	21.865.530.286	24.737.588.637
Trong đó		
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh nước sạch	21.206.559.543	23.899.308.495
- Thu nhập từ hoạt động khác	658.970.743	838.280.142
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	4.373.106.057	4.947.517.727
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(2.120.655.954)	(2.389.930.850)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	5.340.741	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	2.257.790.844	2.557.586.878

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác thiên nhiên để sản xuất nước sạch với giá tính thuế và mức thuế suất như sau:

	Giá tính thuế (VND/m³)	Thuế suất
• Nước mặt	3.500	1%
• Nước dưới đất	6.000	5%

Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả người lao động.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Phải trả khác

15a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	850.000.000	850.000.000
Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh - phải trả tiền bàn giao tài sản cố định (*)	850.000.000	850.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	3.606.418.589	1.726.362.551
Phải trả phí bảo vệ môi trường	1.905.247.035	766.362.551
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.170.000.000	960.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	531.171.554	-
Cộng	4.456.418.589	2.576.362.551

15b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	9.604.262.000	10.454.262.000
Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh - phải trả tiền bàn giao tài sản cố định (*)	9.604.262.000	10.454.262.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	-	802.082.980
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	802.082.980
Cộng	9.604.262.000	11.256.344.980

(*) Phải trả vốn ngân sách Nhà nước theo Quyết định số 1599/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh) về việc giao công trình Đường ống cấp nước xã Bình Đức - Thạnh Hòa - Thạnh Lợi cho Công ty quản lý.

15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay

16a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn đến hạn trả các tổ chức khác (xem thuyết minh V.17b)	15.427.000.000	14.175.000.000
Cộng	15.427.000.000	14.175.000.000

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.175.000.000	13.329.000.000
Kết chuyển từ vay dài hạn	8.079.000.000	6.557.000.000
Số tiền vay đã trả	(6.827.000.000)	(9.447.000.000)
Số cuối kỳ	15.427.000.000	10.439.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II ⁽ⁱ⁾	9.673.076.838	12.888.076.838
Vay Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh Tây Ninh ⁽ⁱⁱ⁾	44.917.427.000	49.781.427.000
Cộng	54.590.503.838	62.669.503.838

- (i) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II theo hợp đồng tín dụng số 01/TDNN.2004 ngày 22/03/2004 để đầu tư dự án Nhà máy nước ngầm thị xã Tân An với lãi suất vay 4,8%/năm, thời hạn vay 25 năm, thời gian ân hạn 7 năm. Số tiền vay được hoàn trả hàng kỳ vào ngày 31/3 và 30/9 hàng năm, kỳ trả gốc đầu tiên vào ngày 31/03/2011. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản vay Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh Tây Ninh theo các hợp đồng tín dụng như sau:
- Hợp đồng tín dụng số 09/2020.HĐTD ngày 28/08/2020: vay để đầu tư dự án di dời, nâng cấp tuyến cấp nước sạch D200 thành D400 đường tỉnh 818, đoạn từ KCN Long Hậu - Hòa Bình đến khu dân cư MT-LAND với lãi suất vay là 6,3%/năm (trong kỳ là 5,8%/năm), thời hạn vay 10 năm, thời gian ân hạn 1 năm kể từ lần đầu giải ngân, số tiền vay được hoàn trả hàng quý, kỳ trả nợ gốc lần đầu tiên vào ngày 30/06/2022. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh số V.7).
 - Hợp đồng tín dụng số 04/2022.HĐTD ngày 27/06/2022: vay để đầu tư xây dựng công trình tuyến ống cấp nước HDPE đường tỉnh 833C và 833 với lãi suất vay là 6,3%/năm (trong kỳ là 5,8%/năm), thời hạn vay 10 năm, thời gian ân hạn 1 năm kể từ lần đầu giải ngân, số tiền vay được hoàn trả hàng quý, kỳ trả nợ gốc lần đầu tiên vào ngày 18/12/2023. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh số V.7).
 - Hợp đồng tín dụng số 05/2022.HĐTD ngày 29/07/2022: vay để đầu tư thực hiện xây dựng công trình lắp đặt tuyến ống cấp nước khu vực xã Bình Thạnh và vùng lân cận huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An với lãi suất vay là 6,3%/năm (trong kỳ là 5,8%/năm), thời hạn vay 8 năm, thời gian ân hạn 1 năm kể từ lần đầu giải ngân, số tiền vay được hoàn trả hàng quý, kỳ trả nợ gốc lần đầu tiên vào ngày 18/12/2023. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh số V.7).
 - Hợp đồng tín dụng số 12/2022.HĐTD ngày 18/10/2022: vay để đầu tư thực hiện công trình tuyến ống cấp nước phân phối và dịch vụ cho các xã Thạnh Đức, Mỹ Yên, Phước Lợi, Tân Bửu và khu vực lân cận huyện Bến Lức, tỉnh Long An với lãi suất vay là 6,3%/năm (trong kỳ là 5,8%/năm), thời hạn vay 10 năm, thời gian ân hạn 1 năm kể từ lần đầu giải ngân, số tiền vay được hoàn trả hàng quý, kỳ trả nợ gốc lần đầu tiên vào ngày 15/03/2024. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh số V.7).
 - Hợp đồng tín dụng số 13/2022.HĐTD ngày 10/11/2022: vay để đầu tư xây dựng công trình tuyến ống cấp nước sạch cấp cho người dân dọc theo tuyến đường tỉnh 818, đường cấp bờ kênh Thủ Thừa (Khu phố ấp Nhà Dài), thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An với lãi suất vay là 6,3%/năm (trong kỳ là 5,8%/năm), thời hạn vay 10 năm, thời gian ân hạn 1 năm kể từ lần đầu giải ngân, số tiền vay được hoàn trả hàng quý, kỳ trả nợ gốc lần đầu tiên vào ngày 15/03/2024. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh số V.7).



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng số 01/2023.HĐTD ngày 10/03/2023: vay để đầu tư xây dựng công trình tuyến ống cấp nước HDPE D250 đường tỉnh 835 (đoạn từ ngã 3 Quốc lộ 1 đến đường Kênh Sáu Mét) với lãi suất vay là 6,3%/năm (trong kỳ là 5,8%/năm), thời hạn vay 7 năm, thời gian ân hạn 1 năm kể từ lần đầu giải ngân, số tiền vay được hoàn trả hàng quý, kỳ trả nợ gốc lần đầu tiên vào ngày 21/06/2024. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh số V.7).
- Hợp đồng tín dụng số 03/2023.HĐTD ngày 08/09/2023: vay để đầu tư xây dựng công trình hệ thống tuyến ống cấp nước sạch cho khu vực phường 5, xã Nhơn Trạch Trung, thành phố Tân An, tỉnh Long An với lãi suất vay là 6,3%/năm (trong kỳ là 5,8%/năm), thời hạn vay 7 năm, thời gian ân hạn 1 năm kể từ lần đầu giải ngân, số tiền vay được hoàn trả hàng quý, kỳ trả nợ gốc lần đầu tiên vào ngày 16/12/2024. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh số V.7).
- Hợp đồng tín dụng số 01/2024.HĐTD ngày 24/01/2024: vay để đầu tư xây dựng công trình tuyến ống cấp nước truyền tải HDPE D400, D315 đường tỉnh 826 (đoạn từ ranh xã Tân Trạch - Long Hòa đến cổng khu công nghiệp Cầu Tràm) với lãi suất vay là 6,3%/năm (trong kỳ là 5,8%/năm), thời hạn vay 7 năm, thời gian ân hạn 1 năm kể từ lần đầu giải ngân, số tiền vay được hoàn trả hàng quý, kỳ trả nợ gốc lần đầu tiên vào ngày 16/12/2024. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh số V.7).
- Hợp đồng tín dụng số 04/2024.HĐTD ngày 10/07/2024: vay để đầu tư xây dựng công trình tuyến ống cấp nước truyền tải HDPE D400, D225 tuyến tránh Quốc lộ 1 với lãi suất vay là 6,3%/năm (trong kỳ là 5,8%/năm), thời hạn vay 7 năm, thời gian ân hạn 0,5 năm kể từ lần đầu giải ngân, số tiền vay được hoàn trả hàng quý, kỳ trả nợ gốc lần đầu tiên vào ngày 23/06/2025. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh số V.7).
- Hợp đồng tín dụng số 10/2025.HĐTD ngày 02/10/2025: vay để đầu tư đầu tư thực hiện xây dựng dự án tuyến ống cấp nước ĐT835D (đoạn từ đường tỉnh 835C đến đường tỉnh 835) và đường tỉnh 830 (đoạn từ đường tỉnh 833B đến đường vào xóm Bà Vệ) với lãi suất vay là 6,3%/năm (trong kỳ là 5,8%/năm), thời hạn vay 10 năm, thời gian ân hạn 1 năm kể từ lần đầu giải ngân, số tiền vay được hoàn trả hàng quý, kỳ trả nợ gốc lần đầu tiên vào ngày 25/12/2026. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh số V.7).
- Hợp đồng tín dụng số 11/2025.HĐTD ngày 02/10/2025: vay để đầu tư thực hiện xây dựng dự án tuyến ống cấp nước đường Phước Vân - Long Hoà và đường Phước Vân - Long Khê với lãi suất vay là 6,3%/năm (trong kỳ là 5,8%/năm), thời hạn vay 10 năm, thời gian ân hạn 1 năm kể từ lần đầu giải ngân, số tiền vay được hoàn trả hàng quý, kỳ trả nợ gốc lần đầu tiên vào ngày 25/12/2026. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh số V.7).
- Hợp đồng tín dụng số 13/2025.HĐTD ngày 02/10/2025: vay để đầu tư thực hiện xây dựng dự án tuyến ống cấp nước đường tỉnh 830B và đường tỉnh 833B khu vực huyện Cần Đức, tỉnh Long An với lãi suất vay là 6,3%/năm (trong kỳ là 5,8%/năm), thời hạn vay 9 năm, thời gian ân hạn 1 năm kể từ lần đầu giải ngân, số tiền vay được hoàn trả hàng quý, kỳ trả nợ gốc lần đầu tiên vào ngày 25/12/2026. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh số V.7).



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	16.103.076.838	6.430.000.000	9.673.076.838	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	53.914.427.000	8.997.000.000	35.399.427.000	9.518.000.000
Cộng	70.017.503.838	15.427.000.000	45.072.503.838	9.518.000.000
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	19.318.076.838	6.430.000.000	12.888.076.838	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	57.526.427.000	7.745.000.000	41.226.427.000	8.555.000.000
Cộng	76.844.503.838	14.175.000.000	54.114.503.838	8.555.000.000

Chi tiết phát sinh về các khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	62.669.503.838	58.708.503.838
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(8.079.000.000)	(6.557.000.000)
Số cuối kỳ	54.590.503.838	52.151.503.838

16c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.510.391.871	(1.529.622.000)	(19.230.129)
Quỹ phúc lợi	3.127.098.634	(3.026.833.334)	100.265.300
Cộng	4.637.490.505	(4.556.455.334)	81.035.171

Quỹ khen thưởng chi vượt được trình bày ở chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” (xem Thuyết minh số V.4).

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh	73.200.000.000	73.200.000.000
Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương	46.437.400.000	46.437.400.000
Các cổ đông khác	2.362.600.000	2.362.600.000
Cộng	122.000.000.000	122.000.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.200.000	12.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.200.000	12.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.200.000	12.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.200.000	12.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.200.000	12.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 số 21/NQCN - ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 như sau:

	Số được phân phối	Số đã trích trong năm trước	Số trích trong kỳ này
• Trích quỹ đầu tư phát triển	25.279.838.378	8.922.295.897	16.357.542.481
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.461.147.950	4.461.147.950	-
• Giảm khác	96.000.000	96.000.000	-

19. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

Tài sản thế chấp

	Giá trị sổ sách		Thời gian cầm cố, thế chấp	Bên nhận cầm cố, thế chấp
	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
Tài sản cố định hữu hình (xem Thuyết minh số V.7)	132.106.248.850	137.869.506.646		
Các tài sản cố định hữu hình khác	132.106.248.850	137.869.506.646	Từ 07 đến 10 năm	Quỹ đầu tư Phát triển tỉnh Tây Ninh
Cộng	132.106.248.850	137.869.506.646		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp nước	199.262.622.111	173.657.479.213
Doanh thu lắp đặt đường ống	7.021.726.730	7.966.190.173
Doanh thu cung cấp dịch vụ	74.967.374	65.014.478
Doanh thu khác	31.850	-
Cộng	206.359.348.065	181.688.683.864

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số VII.1b.

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp nước	135.386.562.378	116.052.983.911
Giá vốn lắp đặt đường ống	5.962.035.293	6.299.243.353
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(146.611.702)	3.461.600.475
Cộng	141.201.985.969	125.813.827.739

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	19.903.534	14.841.713
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	11.076.244
Cộng	19.903.534	25.917.957

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay - lãi vay	2.034.947.053	2.382.994.189
Cộng	2.034.947.053	2.382.994.189

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.100.358.341	5.824.932.065
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	14.464.033.432	9.938.428.067
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.007.698.392	56.130.778
Các chi phí khác	860.227.621	2.563.000.000
Cộng	27.432.317.786	18.382.490.910

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.703.674.406	5.192.178.597
Chi phí khấu hao tài sản cố định	72.247.214	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.784.539.995	5.209.978.336
Các chi phí khác	549.774.810	-
Cộng	14.110.236.425	10.402.156.933



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thu phí bảo vệ môi trường giữ lại	990.019.244	436.173.630
Thu nhập khác	26.015.386	5.030.471
Cộng	1.016.034.630	441.204.101

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí tổ chức thu phí bảo vệ môi trường	750.134.432	436.675.000
Các chi phí khác	2.136.152	72.514
Cộng	752.270.584	436.747.514

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.605.737.568	22.180.001.759
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	19.605.737.568	22.180.001.759
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	12.200.000	12.200.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.607	1.818

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.543.896.168	26.204.284.073
Chi phí nhân công	23.366.612.815	19.714.358.827
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.657.258.584	17.075.548.970
Chi phí dịch vụ mua ngoài	105.712.335.251	83.181.770.619
Chi phí khác	3.464.437.362	8.422.513.093
Cộng	182.744.540.180	154.598.475.582

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

Trong kỳ, Công ty đã mua bằng cách nhận nợ một số tài sản cố định trị giá 13.695.282.089 VND VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Nguyễn Bảo Tùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị	713.121.000	559.490.643
Bà Trương Ngọc Thùy Trang - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	585.690.000	473.522.732
Ông Lưu Văn Cần - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	619.107.000	443.903.436
Ông Mai Song Hào - Thành viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2026)	15.000.000	18.000.000
Ông Trần Tấn Lợi - Thành viên Hội đồng quản trị	30.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Đình Tuấn - Thành viên Hội đồng quản trị (bỏ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2026)	15.000.000	-
Ông Cao Duy Thanh - Trưởng Ban kiểm soát	589.107.000	435.003.436
Ông Trương Thị Lệ Khanh - Thành viên Ban kiểm soát	234.860.000	154.384.000
Ông Nguyễn Đình Tuấn - Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2026)	12.000.000	12.000.000
Ông Hồ Hiền Phúc - Thành viên Ban kiểm soát (bỏ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2026)	12.000.000	-
Ông Nguyễn Quốc Phong - Kế toán trưởng	607.107.000	449.403.436
Cộng	3.432.992.000	2.563.707.683

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Nước - Môi trường
Bình Dương
Công ty Cổ phần Nước Biwase - Long An

Mối quan hệ

Cổ đông nắm giữ 60% vốn điều lệ
Cổ đông nắm giữ 38,06% vốn điều lệ
Công ty con của Công ty Cổ phần - Tổng
Công ty Nước - Môi trường Bình Dương

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ và các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Nước Biwase - Long An		
Cung cấp nước	1.148.303.705	1.024.740.229
Cung cấp dịch vụ xét nghiệm nước	47.424.648	35.309.022
Mua nước	88.374.000.697	56.085.424.527
Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh		
Hoàn trả vốn ngân sách Nhà nước - về bàn giao tài sản cố định	850.000.000	850.000.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.11 và V.15.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước (chiếm 96,56% doanh thu toàn Công ty) và được thực hiện ở khu vực tỉnh Tây Ninh.

3. Số liệu so sánh

Các sai sót

Năm trước, Công ty tạm tính cổ tức phải trả theo Tờ trình số 151/CV-KTTV ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch Hội đồng quản trị với số tiền 16.357.542.481 VND nhưng khoản cổ tức phải trả này chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Công ty đã điều chỉnh sai sót này trong Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này, cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ				
Phải trả ngắn hạn khác	320	18.933.905.032	(16.357.542.481)	2.576.362.551
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	-	16.357.542.481	16.357.542.481
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a	-	16.357.542.481	16.357.542.481

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các giả định và ước tính quan trọng

Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các giả định và ước tính có ảnh hưởng đến số liệu tài sản, nợ phải trả, doanh thu và chi phí. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính này. Các giả định và ước tính quan trọng được Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá và cập nhật thường xuyên dựa trên kinh nghiệm lịch sử và các yếu tố liên quan khác.

Các ước tính dưới đây được Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là có khả năng ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo nếu các giả định thay đổi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Công ty ước tính khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi dựa trên đánh giá khả năng thu hồi của từng khoản nợ phải thu theo tuổi nợ và tình hình tài chính của từng khách hàng. Sự không chắc chắn phát sinh từ việc dự báo khả năng thanh toán của khách hàng trong tương lai, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế biến động.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tổng số dư nợ phải thu khách hàng là 21.856.958.829 VND, trong đó Công ty đã trích lập dự phòng 58.466.823 VND.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau để hạn chế rủi ro nợ khó đòi:

- Tăng cường theo dõi và đôn đốc thu hồi công nợ định kỳ.
- Yêu cầu tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh đối với các khoản nợ có giá trị lớn.
- Rà soát hạn mức tín dụng cho từng khách hàng hàng quý.
- Khởi kiện hoặc áp dụng biện pháp pháp lý đối với các khoản nợ quá hạn.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Công ty ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho dựa trên giá bán dự kiến trừ chi phí bán hàng ước tính. Sự không chắc chắn phát sinh từ biến động giá thị trường, thay đổi nhu cầu của khách hàng và rủi ro lỗi thời của hàng hóa/vật tư tồn kho.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tổng giá trị hàng tồn kho theo giá gốc là 19.822.960.359 VND, dự phòng giảm giá đã trích lập là 5.472.734.100 VND.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau để hạn chế rủi ro:

- Kiểm kê và đánh giá chất lượng hàng tồn kho định kỳ hàng quý.
- Điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp với nhu cầu thị trường.
- Triển khai các chương trình khuyến mại để đẩy nhanh tiêu thụ hàng tồn kho chậm luân chuyển.
- Đa dạng hóa kênh phân phối để mở rộng thị trường tiêu thụ.

Ước tính thời gian sử dụng hữu ích và giá trị thu hồi của tài sản cố định

Công ty ước tính thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định dựa trên đánh giá kỹ thuật và kinh nghiệm sử dụng thực tế. Sự không chắc chắn phát sinh từ việc thay đổi công nghệ, cường độ sử dụng và điều kiện bảo dưỡng thực tế khác với giả định ban đầu, dẫn đến thời gian sử dụng thực tế có thể ngắn hơn hoặc dài hơn ước tính.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tổng nguyên giá tài sản cố định là 752.905.045.189 VND, giá trị còn lại 301.233.237.353 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thời gian sử dụng hữu ích thực tế khác biệt đáng kể so với ước tính là thấp đối với phần lớn tài sản.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau:

- Rà soát và điều chỉnh thời gian sử dụng hữu ích định kỳ hàng năm.
- Thực hiện bảo dưỡng định kỳ theo đúng quy trình kỹ thuật.
- Đánh giá dấu hiệu tổn thất tài sản tại mỗi ngày báo cáo theo quy định.
- Lập kế hoạch đầu tư thay thế tài sản kịp thời để tránh gián đoạn sản xuất kinh doanh.

Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế hoãn lại

Việc xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và tài sản/thuế hoãn lại đòi hỏi Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thực hiện các giả định về khả năng áp dụng các quy định thuế hiện hành, khả năng tạo ra lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng tài sản thuế hoãn lại và rủi ro bị cơ quan thuế điều chỉnh khi kiểm tra quyết toán thuế.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng lợi nhuận tính thuế thực tế thấp hơn đáng kể so với kế hoạch là thấp dựa trên kết quả kinh doanh các năm gần đây và kế hoạch kinh doanh được phê duyệt.

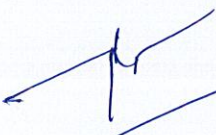
Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau:

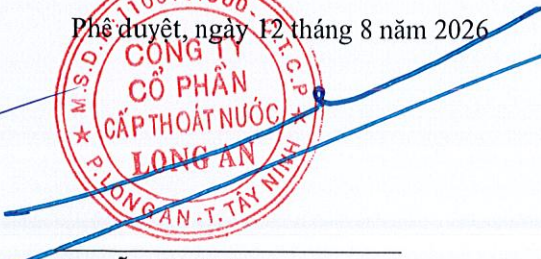
- Rà soát định kỳ khả năng thu hồi tài sản thuế hoãn lại hàng năm.
- Tham vấn chuyên gia thuế về việc áp dụng các quy định thuế đối với các giao dịch phức tạp.
- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ chứng từ để sẵn sàng đối phó với kiểm tra thuế.
- Theo dõi sát diễn biến chính sách thuế và điều chỉnh ước tính kịp thời.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính được phê duyệt phát hành, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.


Trịnh Huỳnh Thủy Tiên
Người lập


Nguyễn Quốc Phong
Kế toán trưởng


Nguyễn Bảo Tùng
Người đại diện theo pháp luật



Phê duyệt, ngày 12 tháng 8 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Địa chỉ: 250, Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	122.000.000.000	65.038.456.511	11.080.800.701	198.119.257.212
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2024	-	11.080.800.701	(11.080.800.701)	-
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	22.180.001.759	22.180.001.759
Giảm khác	-	-	(24.000.000)	(24.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	122.000.000.000	76.119.257.212	22.156.001.759	220.275.258.971
Số dư đầu năm nay	122.000.000.000	85.041.553.109	16.357.542.481	223.399.095.590
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2025	-	16.357.542.481	(16.357.542.481)	-
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	19.605.737.568	19.605.737.568
Số dư cuối kỳ này	122.000.000.000	101.399.095.590	19.605.737.568	243.004.833.158

Trần Huỳnh Thủy Tiên

Trần Huỳnh Thủy Tiên
Người lập



Nguyễn Bảo Tùng
Người đại diện theo pháp luật



Số: 2458 / VN.

Tây Ninh, ngày 14 tháng 08 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Cấp thoát nước Long An thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An

- Mã chứng khoán: LAW
- Địa chỉ: Số 250, đường Hùng Vương, Phường Long An, tỉnh Tây Ninh
- Điện thoại liên hệ: 0272 3825114 Fax: 0272 3826040
- Email: info@lawaco.com.vn. Website: http://lawaco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC 6 tháng đầu năm 2026

☒ BCTC riêng (TC không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TC có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TC có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC 6 tháng đầu năm 2026):

☐ Có

☒ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC 6 tháng đầu năm 2026):

☒ Có

☐ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/08/2026
tại đường dẫn: <http://lawaco.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Người được ủy quyền CBTT

Tài liệu đính kèm:

- Văn bản giải trình



CAO DUY THANH